

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

ANNUAL REPORT 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG/ *VNG CORPORATION*

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2020

Ho Chi Minh City, April 2020

“Thân gửi các Starter/ *Dear Starters*

Nhân dịp #VNG15, Minh xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả những Starters (và cựu-Starter), những người đã cùng gắn bó, xây dựng, chiến đấu, hy sinh, cùng khóc và cười, và trên hết là cùng yêu VNG. Trong suốt chặng đường dài 15 năm, có quá nhiều câu chuyện, có quá nhiều kỷ niệm, quá nhiều khuôn mặt, mà mỗi khi nhớ lại, chúng ta vừa tự hào và vừa nuối tiếc "Tôi đã trải qua tuổi thanh xuân như thế đó". Hy vọng trong buổi tiệc sinh nhật #VNG15 vào cuối tháng 10 tại VNG Campus dành cho tất cả các Starters, chúng ta có thể ngồi với nhau ôn lại chặng đường này.



On the occasion of #VNG15, I would like to express my sincere thanks to all the Starters (and former Starters) who have worked together, built, fought, sacrificed, cried and laughed together, and above all loved VNG. So much have we have been through together in that 15-year journey, there are so many stories, so many memories that give us both pride and regret whenever we recall those young days. Hopefully, at the #VNG15 birthday party in late October at VNG Campus for all Starters, we can sit and look back at this journey altogether.

...

#thành-công

Thành công của VNG là gì? Và điều gì tạo nên những thành công đó? Một cách đơn giản, thành công của VNG đến từ sự thành công của sản phẩm và con người VNG là yếu tố quyết định sự thành công. Sâu hơn thế nữa, một dòng định hướng "Dùng Internet để thay đổi cuộc sống người Việt Nam" và mục tiêu "1441" (41 triệu người dùng vào năm 2014) đặt ra từ 2008 đã giúp VNG xây dựng hàng loạt các sản phẩm thành công tiếp nối nhau, cùng với giá trị "embracing challenges" đã giúp nhiều con người VNG trưởng thành và đạt tới tầm vóc ngày hôm nay.

What is the success of VNG? And what makes those successes? In a nutshell, VNG's success is attributable to our products and people, as our key success factors. Beyond that, the philosophy of "Make the Internet change Vietnamese lives" and the target of "1441" (41 million users by 2014) set out in 2008 has built a series of products and successes at VNG, which, together with the value of "embracing challenges", has helped many VNG people grow and become who they are today.

Vào dịp #VNG15, Minh xin được chia sẻ những yếu tố nền tảng cho sự thành công của VNG trong 5-10 năm tới. Thay cho định hướng "Dùng Internet để thay đổi cuộc sống người Việt Nam", VNG sẽ là một Công Ty "**Kiến tạo Công nghệ và Phát triển Con Người. Vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.**" (Build Technologies and Grow People. For a better life.). Ngoài những sản phẩm công nghệ, chúng ta sẽ nhấn mạnh việc phát triển nguồn nhân lực như một trong hai công việc quan trọng nhất mà chúng ta sẽ tập trung làm, với 3 giá trị cơ bản - **đón nhận thách thức, phát triển đối tác** và **gìn giữ chính trực**. Chúng ta cũng mạnh dạn bỏ đi giới hạn của một thị trường Việt Nam, để hướng tới thách thức của thị trường toàn cầu.

*On the occasion of #VNG15, I would like to share the fundamentals for VNG's success in the next 5-10 years. Instead of "Make the Internet change Vietnamese lives", VNG will be a company that **"Build Technologies and Grow People. For a better life."** In addition to technology products, we will emphasize human development as one of the two most important jobs that we will focus on, centered around 3 basic values - **embracing challenges, advancing partnership and upholding integrity**. We will also boldly transcend the boundaries of Vietnam market to embrace challenges of the global market.*

Giống như "1441", VNG đặt ra một khát vọng mới "2332" cho 5 năm tiếp theo - gọi là khát vọng vì nó thực sự to lớn gấp nhiều lần hiện tại - 2332 có nghĩa là lấy cột mốc năm 2023, VNG sẽ đạt 320 triệu người dùng toàn cầu, 32 triệu người dùng cho các sản phẩm mới (payment, AI), và 320 ngàn khách hàng doanh nghiệp. Chúng ta sẽ cố gắng hết sức và tập trung các nguồn lực để hướng tới những cột mốc này, dù chúng ta hoàn toàn có thể không chạm được tới các con số "điên rồ" đó.

Similar to "1441", VNG sets a new aspiration - "2332" - for the next 5 years - it is called an aspiration because it's many times bigger than now - 2332 means by 2023, VNG will reach 320 million global users, 32 million users for new products (payment, AI), and 320,000 business customers. We will do everything we can and focus our resources towards these milestones, even though we may not be able to reach those "crazy" numbers.

Nhưng đạt được (hay không) sẽ không phải là điều quan trọng nhất.

But achieving (or not) will not be the most important thing.

Điều quan trọng nhất, là trên chặng đường 5 năm tới (và dài hơn thế), chúng ta sẽ tiếp tục có những trải nghiệm tuyệt vời, có nhiều câu chuyện tự hào, và nhiều khoảng khắc không thể nào quên khi cùng nhau "đón nhận thách thức" với VNG.

What really matters is that in the next 5-year journey (and beyond that), we will continue to have great experiences, many proud stories, and many unforgettable moments together when "embracing challenges" with VNG.

Chúc mừng sinh nhật #VNG15

Happy Birthday #VNG15.



MinhLH, 9/9/2019

MinhLH, September 9, 2019"



Thông tin chung
General information

1 **Thông tin khái quát**

General information

Tên giao dịch/ *Trading name*: VNG Corporation

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No.*:
0303490096

Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 353.022.930.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu/ *Owner's equity*: 5.429.098.772.211 VNĐ

Địa chỉ tính đến 31/12/2019: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Address as of December 31, 2019: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City

Địa chỉ hiện tại: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Current address: Z06 Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City

Số điện thoại/ *Telephone*: 028.38664666

Số fax/ *Fax*: 028.39624666

Website: www.vng.com.vn

Mã cổ phiếu (nếu có): Không có
Securities code (if any): Not applicable

2

Quá trình hình thành và phát triển

Incorporation and development

Công Ty Cổ Phần VNG (“**Công Ty**”/ “**VNG**”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303490096 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/09/2004 và thay đổi lần thứ 38 ngày 21/01/2020.

*VNG Corporation (“**Company**”/ “**VNG**”) is duly established and existing under the laws of Vietnam with business registration number 0303490096 and firstly issued by Ho Chi Minh City’s Department of Planning and Investment dated 09/09/2004 and the 38th change on 21/01/2020.*

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, Công Ty đã liên tục phát triển, từ một Công Ty chuyên về trò chơi trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam thành một trong những Công Ty công nghệ, giải trí, dịch vụ internet, sản xuất phần mềm hàng đầu tại Việt Nam. Công Ty đã và đang cung cấp cho cộng đồng các sản phẩm giải trí chất lượng cao như: cổng thông tin và giải trí Zing, trang web nghe nhạc trực tuyến Zing Mp3, trang web giải trí trực tuyến ZingTV. Trong những năm gần đây, VNG đã mở rộng và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng cao ứng dụng trên điện thoại di động như: Zalo, ZingTV, Zing Mp3, LaBan Browser, ZaloPay, vCS, vCloudcam, Cloud Server để phục vụ nhu cầu giải trí, học tập và thanh toán qua ứng dụng điện thoại ngày càng cao tại Việt Nam và thế giới.

Since establishment, the Company has continuously developed from the first Vietnamese online gaming Company to one of the best technology, entertainment, internet service, software production Company in Vietnam. The Company has provided to community a wide range of entertainment products with high quality such as Zing information and entertainment gate, Zing MP3 online music website, ZingTV entertainment website. In recent years, VNG has expanded and developed more high quality product on mobile platform – Zalo, ZingTV, Zing MP3, LaBan Browser, ZaloPay, vCS, vCloudcam, Cloud Server to name a few, that are serving more and more demand of entertainment, education and payment services through mobile applications in Vietnam and worldwide.

Trò chơi trực tuyến/ *Online games*

Công Ty phát triển và sản xuất trò chơi trực tuyến, phát hành ra thị trường quốc tế với các sản phẩm nổi bật: Khu Vườn Trên Mây, Dead Target, iCá, Võ Lâm Truyền Kỳ, Rules of Survival, Crossfire Legend...

We develop, produce and publish games to the global market, to name a few of our outstanding products: Sky Garden, Dead Target, iCa, Vo Lam Truyen Ky, Rules of Survival, Crossfire Legend...



Nền tảng kết nối/ *Platforms*



Công Ty kết nối các nền tảng khác nhau nhằm cung cấp dịch vụ liên lạc, giải trí và tìm kiếm toàn diện cho các cá nhân và tổ chức với sản phẩm nổi bật: nền tảng OTT Zalo, nền tảng vCS, hệ sinh thái mạng xã hội giải trí Zing (Zing TV, Zing MP3...), công cụ tìm kiếm Laban.vn...

We connect diverse platforms to deliver comprehensive communication, entertainment and search services to individuals and organizations, to name a few of our outstanding products: the OTT platform Zalo, vCS platforms, Zing ecosystem (Zing TV, Zing MP3...), Laban.vn search tool...

Tài chính và thanh toán/ *Finance and payments*

Công Ty dẫn đầu về nền tảng và dịch vụ trung gian thanh toán, tài chính cá nhân theo xu hướng mới với sản phẩm nổi bật: cổng trung gian thanh toán 123 Pay, ví điện tử ZaloPay.

We spearhead innovative platforms and services for intermediary payments and personal finance, to name a few of our outstanding products: intermediary payment gateway – 123 Pay, digital wallet – ZaloPay.



Dịch vụ đám mây/ *Cloud services*

VNG CLOUD



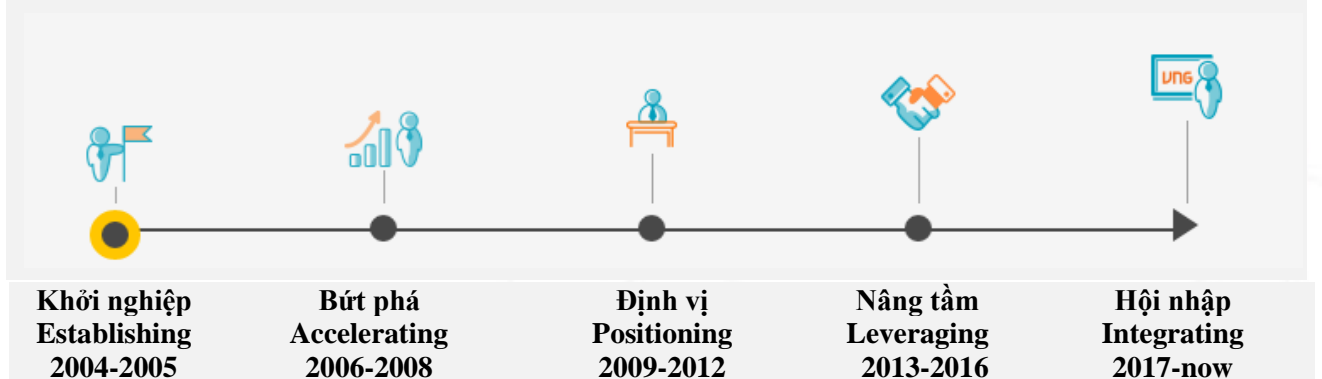
Công Ty cung cấp các dịch vụ đám mây toàn diện cho tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, các hệ thống, với sản phẩm nổi bật: vCS, Cloud server, IoT HUB, vCloudStack, vObjectStorage, Tape Backup, vCloudcam, Vending Machine...

We provide comprehensive and groundbreaking cloud services to organizations, companies and local authorities on this burgeoning ultra-smart platform, to name a few of our outstanding products: vCS, Cloud server, IoT HUB, vCloudStack, vObjectStorage, Tape Backup, vCloudcam, Vending Machin...

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VNG/ *VNG DEVELOPMENT JOURNEY*

Thành lập từ năm 2004 đến nay, VNG đã trải qua 15 năm phát triển và mở rộng để trở thành một trong những công ty internet & công nghệ hàng đầu Việt Nam và Đông Nam Á, với hơn 3.200 thành viên.

Established in 2004, VNG has seen 15 years of continuous development and expansion to become one of the leading internet & technology companies in Vietnam and Southeast Asia with over 3,200 associates.



Thông tin chung *General information*

Ngày 29/01/2011, Công Ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 80/CQĐD-NV của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

On 29/01/2011, the Company has become a public company in accordance with official letter No. 80/CQĐD-NV issued by State Securities Commission of Vietnam.

Tháng 04/2011, VNG là doanh nghiệp duy nhất được vinh danh “Doanh nghiệp nội dung số có sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt Nam thành công nhất”.

In April 2011, VNG was the only Company honored as “Digital content enterprise that has the most successful Vietnamese-branded products and services”.



Tháng 05/2014, VNG được vinh danh “Doanh nghiệp phát triển nhanh toàn cầu tại khu vực Đông Á” tại Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới tổ chức ở Manila, thủ đô Philippines.

In May 2014, it was VNG’s honor to be a “Global Fast-Growing Enterprise in East Asia” at the World Economic Forum held in Manila, the Philippines capital.

Tháng 11/2017, VNG nằm trong top những doanh nghiệp nội dung số có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển của internet Việt Nam trong 1 thập kỷ bởi Hiệp Hội Internet Việt Nam (VIA).

In November 2017, VNG was one of the most influential digital content enterprise in the development of internet in Vietnam in one decade by Vietnam Internet Association (VIA).



Thông tin chung General information



Năm 2018, VNG được công nhận là một trong những doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam bởi Hiệp Hội Phần Mềm và Dịch Vụ Công Nghệ Thông Tin Việt Nam (VINASA).

In 2018, VNG recognized as one of the top information technology enterprise in Vietnam by Vietnam Software and IT Services Association (“VINASA”).

Cũng trong năm 2018, VNG ký ghi nhớ hợp tác với Temasek Holdings/ *Also in 2018, VNG shakes hands with Temasek Holdings:*



Đây là biên bản ghi nhớ hợp tác duy nhất trong lĩnh vực công nghệ cao được trao tại Hội nghị 30 Năm Thu Hút Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam - Tầm Nhìn và Cơ Hội Mới Trong Kỷ Nguyên Mới. Trước đó, trong bài phát biểu của mình, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của lĩnh vực công nghệ cao trong phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0. Thủ tướng

cũng khẳng định: Cần ưu tiên chính sách hút FDI giá trị cao, bền vững môi trường, tiếp cận công nghệ tương lai nhất là tận dụng thời cơ của Cách mạng 4.0 để thu hút các dự án đầu tư có giá trị gia tăng tốt.

This is the only memorandum of understanding in the high-tech sector awarded at the 30 Years of FDI Mobilization in Vietnam - New Vision and Opportunities in New Era. Previously, Prime Minister Nguyen Xuan Phuc emphasized the importance of high-tech field in Vietnam's economic development, especially in the context of Industrial revolution. 4.0. The Prime Minister also affirmed: It is necessary to prioritize the policy of high-value FDI attraction, environmental sustainability, and access to the most advance technology, taking advantage of the opportunity of the 4.0 Revolution to attract high valuable-added investment projects



Tháng 3 năm 2019, VNG hoàn tất giao dịch với Temasek Holdings, trở thành một trong những kỳ lân công nghệ hàng đầu Việt Nam/ *On March 2019, VNG completed the transaction with Temasek Holdings, becoming the one of tech unicorns in Vietnam.*

Thông tin chung *General information*

Năm 2019, VNG nhận giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”, do tạp chí HR Asia bình chọn.

In 2019, VNG was awarded “Best workplace in Asia” by HR Asia.



Cùng với quá trình phát triển, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ của Công Ty đã không ngừng tăng lên. Từ 15 tỷ đồng năm 2004 tăng lên đến 353 tỷ đồng vào năm 2019, điều này là một minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và bền vững của Công Ty.

Together with the development, to meet the need of capital for expanding business, charter capital of the Company has been growing, from 15 billion dongs in 2004 to 353 billion dongs in 2019, demonstrating the strong, fast and sustainable growth of the Company.

3

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Business lines and locations

Ngành nghề kinh doanh chính / *Main business lines:*

- Kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng;
Online gaming services;
- Sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm;
Producing, advising and providing software;
- Quảng cáo thương mại.
Advertising.

Địa bàn kinh doanh/ *Locations of business:* Toàn Quốc và Quốc Tế/ *Nation Wide & Globe*



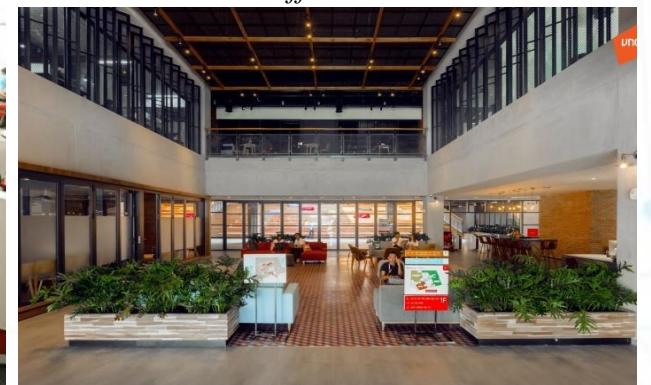
Văn phòng VNG tại Myanmar
VNG office in Myanmar



Văn phòng VNG tại Thái Lan
VNG office in Thailand



Văn phòng VNG tại TP. Hà Nội
VNG office in Hanoi



Văn phòng VNG tại TP. Hồ Chí Minh
VNG office in Ho Chi Minh City

4

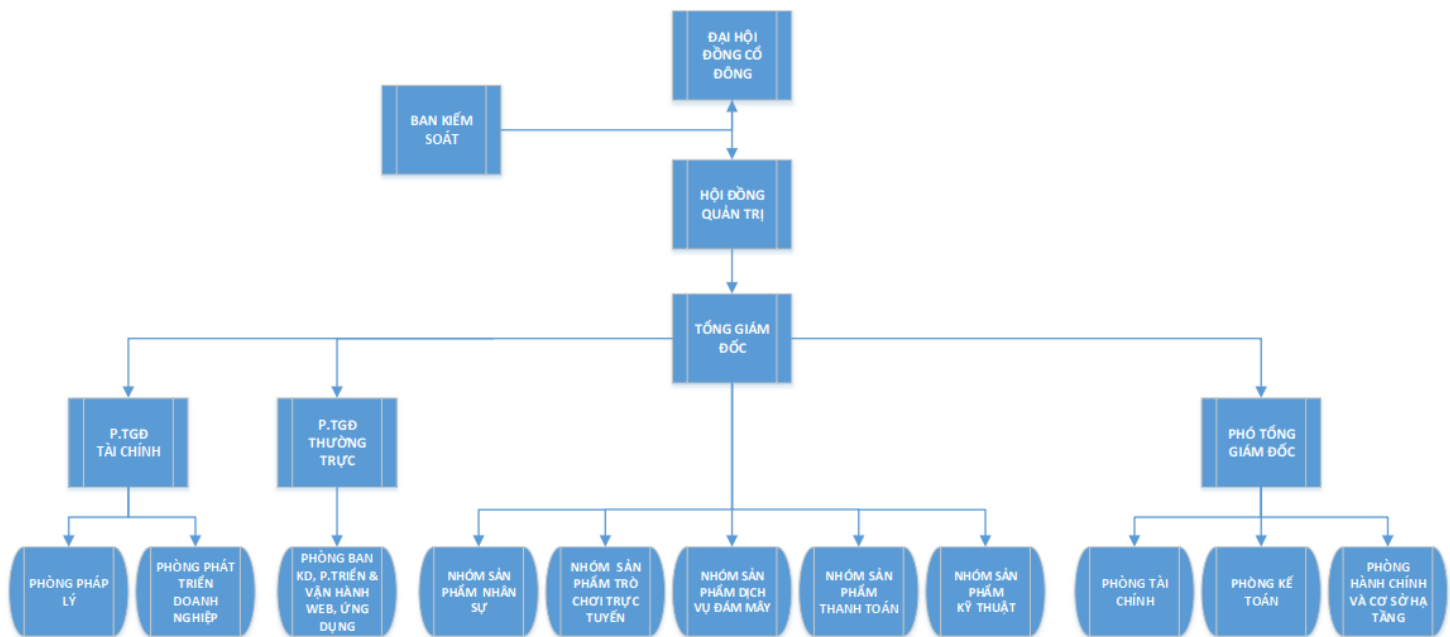
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Information about governance model, business organization and managerial apparatus

4.1

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý tính đến 31/12/2019

Governance model and management structure as at 31 December 2019



4.2


Công Ty con, Công Ty liên kết

Subsidiaries, associated Companies


4.2.1

Công Ty con

Subsidiaries Companies

	<p>Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG VNG Software Development Company Limited</p> <p>Địa chỉ: 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh. <i>Address: 182 Le Dai Hanh, Ward 15, District 11, Ho Chi Minh City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất và phát triển phần mềm. <i>Main business lines: software production and development.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ <i>Paid-in charter capital: 60.000.000.000 VNĐ.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.</i></p>
--	--

<p>Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh Dragon Top Entertainment Company Limited</p> <p>Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. <i>Address: 17th Floor, TNR Tower Building, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Ha Noi City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng. <i>Main business lines: online gaming service.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ <i>Paid-in charter capital: 20.000.000.000 VNĐ.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.</i></p>	
--	---

	<p>Công Ty Cổ Phần Zion Zion Joint Stock Company</p> <p>Địa chỉ: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. <i>Address: Lot Z06 Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: dịch vụ trung gian thanh toán. <i>Main business lines: intermediary payment services.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ <i>Paid-in charter capital: 367.440.710.000VNĐ.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 60% vốn điều lệ/ charter capital.</i></p>
---	---

Thông tin chung General information

Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo

Nguyen Bao Digital Company Limited

Địa chỉ: 73/17 Trần Khánh Dư, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Address: 73/17 Tran Khanh Du, My An Ward, Ngu Hanh Son District, Da Nang.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến.

Main business lines: operate and distribute online games.

Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 10.000.000.000 VNĐ.*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.*



Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na

Vi Na Data Information Technology – Service Joint Stock Company

Địa chỉ: Toà nhà Helios, Lô 6, Đường số 3 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Address: Helios tower, Lot 6, Street 3 Quang Trung Software City, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Main business lines: information technology services.

Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 180.000.000.000 VNĐ.*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 99,94% vốn điều lệ/ charter capital.*



VNG Singapore Pte Ltd.

Địa chỉ/ *Address: 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza, Singapore (048624).*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi.


Main business lines: develop, distribute software, devices and computer components; provide services related to software and after-sales.


Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 172.809.935.000 VNĐ.*


Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 99,94% vốn điều lệ/ charter capital.*



Thông tin chung General information

	<p>VNG Myanmar Company Limited</p> <p>Địa chỉ/ Address: No.148/B, Dhamma Zedi Road, Bahan Township, Yangon.</p> <p>Lĩnh vực kinh doanh chính: phát triển dịch vụ phần mềm; phát triển và bán các phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính, cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi; tư vấn và kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ; tư vấn phần mềm, kinh doanh, công nghệ, quản lý dịch vụ tư vấn.</p> <p><i>Main business lines: software development services; to provide software related and post-sale services, computer equipment and spare parts; consultancy and business support services; software consultant, agency business, technical consultants, business consultants, management consultants and advisory services.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ Paid-in charter capital: 11.585.000.000 VNĐ.</p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ Ownership rate: 99,94% vốn điều lệ/ charter capital.</p>
---	--

<p>MPT Entertainment Pte Ltd.</p> <p>Địa chỉ/ Address: 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza , Singapore (048624).</p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi.</p> <p><i>Main business lines: develop, distribute software, devices and computer components; provide services related to software and after-sales.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ Paid-in charter capital: 0 VNĐ.</p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ Ownership rate: 99,94% vốn điều lệ/ charter capital.</p>	
--	---

	<p>Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na Vi Na Net Services Joint Stock Company</p> <p>Địa chỉ: Lô Z.06 Đường số 13 KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Address: Lot Z.06 Street 13 Industrial Zone in Tan Thuan Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông.</p> <p><i>Main business lines: value-added services on mobile and internet.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ Paid-in charter capital: 77.000.000.000 VNĐ.</p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ Ownership rate: 99,5% vốn điều lệ/ charter capital.</p>
---	---

Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh

Minh Phuong Thinh Communication Company Limited

Địa chỉ: 229 Huỳnh Ngọc Huệ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Address: 229 Huynh Ngoc Hue, Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: xuất bản phần mềm.

Main business lines: software publishing.

Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 6.000.000.000 VNĐ.*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.*



Công Ty TNHH VNG Online

VNG Online Company Limited

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa Nhà Trung Tâm Báo Chí Học Đường Báo Sinh Viên Việt Nam – Lô Đất D29, Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Address: Floor 7, Vietnamese Student Newspaper Center - D29 Slot, Cau Giay New City, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Ha Noi City.

Lĩnh vực sản xuất chính: cung cấp dịch vụ cổng thông tin, quảng cáo.

Main business lines: provide services of information portal, advertising.

Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 1.000.000.000 VNĐ.*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.*



Công Ty TNHH MTV Trung Tâm Dữ Liệu VNG

VNG Data Centre Company Limited

Địa chỉ: Tòa nhà SBI, Công viên Phần Mềm Quang Trung, Đường số 3, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Address: SBI Building, Quang Trung Software City, Street No.3, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: tư vấn máy tính và hệ thống quản lý máy tính.

Main business lines: consultation of computer and computer system management.

Vốn điều lệ thực góp/ *Paid-in charter capital: 5.000.000.000 VNĐ.*


Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100% vốn điều lệ/ charter capital.*




4.2.2

Công Ty liên kết

Associated companies:

	<p>Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Company Limited</i></p> <p>Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. <i>Address: 17th Floor, TNR Tower Building, No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da District, Ha Noi City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh thẻ trò chơi và điện thoại trả trước. <i>Main business lines: game card and prepaid mobile card.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ <i>Paid-in charter capital: 3.000.000.000 VNĐ.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 49% vốn điều lệ/ charter capital.</i></p>
---	---

<p>Công Ty Cổ phần Ti Ki <i>Ti Ki Corporation</i></p> <p>Địa chỉ: 29/1 Đường số 4, Khu phố 3, P. Bình Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. <i>Address: 29/1 Street No.4, Quarter 3, Binh Khanh Ward, District 2, Ho Chi Minh City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. <i>Main business lines: retailing per order via post or internet.</i></p> <p>Vốn điều lệ thực góp/ <i>Paid-in charter capital: 506.279.785.737 VNĐ.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate: 24,25% vốn điều lệ/ charter capital.</i></p>	
--	---

5 **Định hướng phát triển**

Development orientations

5.1 **Giá trị cốt lõi**

Core values

Thế mạnh của VNG chính là con người và văn hóa doanh nghiệp. Dựa vào kim chỉ nam là 3 giá trị cốt lõi, các thành viên ở VNG luôn có tinh thần cống hiến vì sự phát triển chung của VNG và cộng đồng.

VNG's key assets are its people and its culture. Driven by these 03 core values, we strive for the development of VNG and society.



Đón nhận thách thức
Embracing challenges



Phát triển đối tác
Advancing partnership



Giữ gìn chính trực
Upholding integrity

5.2 **Các mục tiêu chủ yếu của Công Ty**

Main objectives of the Company

Kiến tạo công nghệ và phát triển con người vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.
Build technologies and grow people for a better life.

5.3

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Development strategies in medium and long term



VNG đặt ra một khát vọng mới "2332" cho 5 năm tiếp theo. 2332 có nghĩa là lấy cột mốc năm 2023, VNG sẽ đạt 320 triệu người dùng toàn cầu, 32 triệu người dùng cho các sản phẩm mới, và 320 ngàn khách hàng doanh nghiệp. VNG sẽ cố gắng hết sức và tập trung các nguồn lực để

hướng tới những cột mốc này.

VNG sets a new aspiration "2332" for the next 5 years. 2332 means taking the 2023 milestone, VNG will reach 320 million users globally, 32 million users for new products, and 320 thousand business customers. VNG will do its best and concentrate resources towards these milestones.



5.4

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công Ty

Objectives to environment, society and community sustainability of the Company

Với việc xác định sứ mệnh phát triển của Công Ty là “Kiến tạo công nghệ và phát triển con người vì một cuộc sống tốt đẹp hơn”, VNG đã có nhiều hoạt động thường niên hướng đến môi trường, xã hội và cộng đồng bên cạnh việc tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển những sản phẩm thuần Việt. Mục tiêu của các hoạt động vì cộng đồng năm 2019 được xác định như sau: *The Company’s developing mission is “Build technologies and grow people for a better life”, VNG has lots of annual activities toward environment, society and community besides concentrating on investing and researching, developing Vietnamese products. Activities’ targets for community in 2019 was determined as following:*

- 1- Thực hiện các dự án nhằm tạo thêm cơ hội cho các trẻ em vùng sâu vùng xa phát triển.
Conducting many projects to give more opportunities to develop for students in far area.
- 2- Trao học bổng cho các em học sinh khuyết tật đang còn nhiều khó khăn nhằm hỗ trợ cho các em phấn đấu hơn trong học tập.

Thông tin chung *General information*

Awarding scholarships for some disabled children which is still in difficulty to support them to strive more in study.

3- Thực hiện xây dựng lại cơ sở vật chất cho các ngôi trường ở vùng sâu vùng xa.

Reconstructing facilities for schools in far area.

4- Tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện của các quỹ từ thiện nhằm đồng hành với những hoạt động thiện nguyện hướng đến những đối tượng khó khăn cần được hỗ trợ.

Sponsoring for nonprofit activities of charity funds to companion with non-profit activities toward difficult people who need support.

5- Tổ chức những sự kiện giải trí, thể thao nhằm tạo điều kiện cho giới trẻ Việt Nam được tiếp cận với những sự kiện mang tính thách thức cũng như thỏa sức sáng tạo.

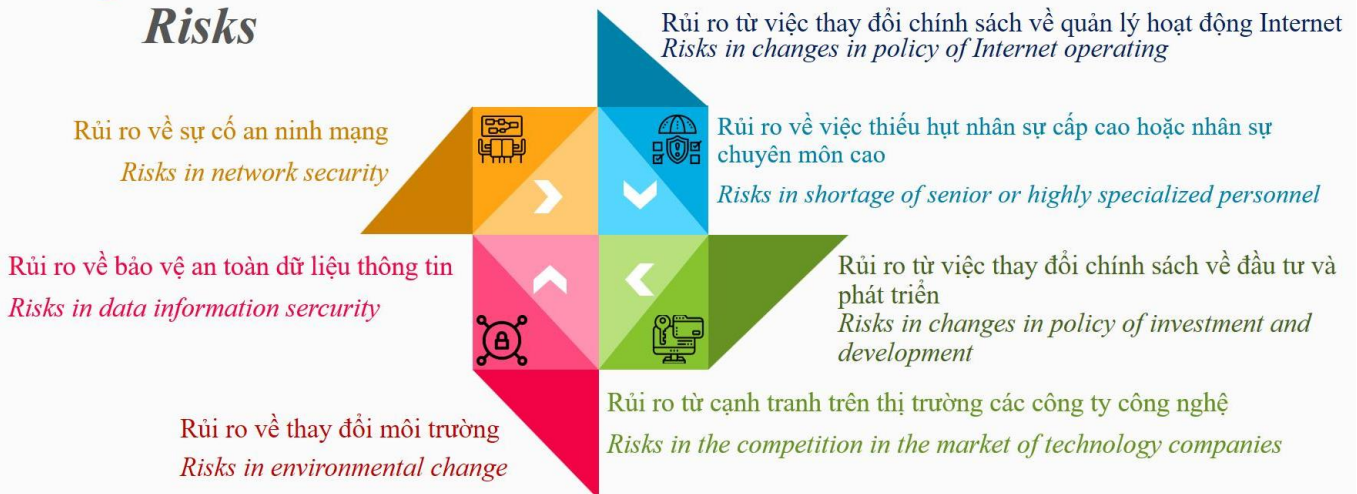
Organizing entertainment or sport events for Vietnamese youth to approach many challenging and creative events.



Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG mong muốn phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam được trải nghiệm những thách thức cũng như tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG wishes to develop education by using internet, to contribute a sustainable development of our country. Besides, we also create environment for Vietnamese youth to experience challenges as well as freely create, connect to society.

6 Các rủi ro *Risks*



Trong số các rủi ro này, vấn đề quan tâm hàng đầu đối với VNG là an ninh mạng đang chuyển biến theo hướng tiêu cực gây ra nhiều bất lợi và khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và internet. Là một trong những kỳ lân công nghệ hàng đầu Việt Nam, VNG hiểu rằng rủi ro bảo mật đối với các doanh nghiệp là rất quan trọng. Hàng năm, VNG phải chi nhiều chi phí liên quan đến việc kiểm soát cơ chế phân quyền, truy cập từ xa... tránh các thông tin thanh toán, dữ liệu khách hàng, thông tin cá nhân... bị đánh cắp để sử dụng để giả mạo danh tính, gian lận, bán trên thị trường chợ đen hoặc bán cho đối thủ.

Among those risks, VNG's top concern is that cybersecurity issues are changing in a negative way causing many disadvantages and obstacles to enterprises, especially enterprises operating in technology and internet. As one of Vietnam's leading technology unicorns, VNG fully understands that security risks to enterprises are important. Annually, VNG has spent a lot of expenses relating to control of decentralization mechanism, remote access... avoiding payment information, customer data, personal information... stolen for the purpose of false identity, cheating, selling on black market or to competitors.



**Tình hình hoạt động
trong năm 2019**
2019 operations



1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Business operation

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
Results of business operations in the year:

Công ty Cổ phần VNG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	5.178.001.019.689	4.316.788.220.514
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(2.783.688.670.752)	(1.994.797.423.656)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.394.312.348.937	2.321.990.796.858
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	231.138.718.774	157.885.249.157
22	5. Chi phí tài chính	24	(3.131.100.591)	(3.368.634.575)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	13.1	(21.250.324.484)	(242.716.365.695)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(1.157.991.127.822)	(1.194.020.224.336)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(739.966.980.360)	(566.604.927.323)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		703.111.534.454	473.165.894.086
31	10. Thu nhập khác	25	4.932.929.192	2.742.803.080
32	11. Chi phí khác	25	(69.302.108.648)	(43.323.721.753)
40	12. Lỗ khác	25	(64.369.179.456)	(40.580.918.673)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		638.742.354.998	432.584.975.413
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(120.404.098.885)	(114.102.946.755)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(63.462.960.912)	14.794.602.986
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		454.875.295.201	333.276.631.644
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		568.395.462.698	336.182.955.386
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	(113.520.167.497)	(2.906.323.742)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	22.653	13.886
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	21.087	12.703


Nguyễn Thị Anh Thư
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng


Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Tình hình hoạt động trong năm 2019 2019 operations

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Actual progress against the plan:*

Đơn vị: đồng/ Unit: dong

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Thực hiện <i>Actual</i>	Kế hoạch <i>Budgeted</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	5.178.001.019.689	5.627.365.354.266
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Accounting profit before tax</i>	638.742.354.998	665.538.906.083
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Net profit after tax</i>	454.875.295.201	568.395.046.574

2 Tổ chức nhân sự

Organization and human resources

2.1

Ban điều hành

Management

Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp và Kế Toán Trưởng:

Chief Executive Officer, Vice President, Chief Financial Officer, Corporate Development Director and Chief Accountant:

Tổng Giám Đốc

Chief Executive Office

Họ và tên: Lê Hồng Minh
Full name: Le Hong Minh

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân
(Đại Học Monash)

*Qualifications: Bachelor
(Monash University)*

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ Tịch Hội
Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc.
*Title: Chairman of Board of Directors cum
Chief Executive Officer*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate:*
9,99%



“VNG coi trọng việc phát triển con người là nền tảng cho mọi hoạt động tổ chức. Trong tương lai, VNG có thể thay đổi chiến lược kinh doanh, vận hành những sản phẩm mới, khám phá những lĩnh vực mới,

chiếm lĩnh thị trường mới... Chính những con người VNG sẽ là tác nhân tạo ra những thay đổi này.”

“VNG places high value on people development as a basis for all ongoing and future business activities. Our products, market niches, and business strategies may change... but our people will always be the key foundation to our success.”

Tình hình hoạt động trong năm 2019

2019 operations

Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực *Executive Vice President*

Họ và tên: Vương Quang Khải
Full name: Vuong Quang Khai

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ (Đại
Học Bách Khoa Hà Nội)

*Qualifications: Master (Hanoi
University of Science and Technology)*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate:*
2,7%



“Trong những thời điểm khó khăn nhất, Khải cũng như ban lãnh đạo vẫn luôn có niềm tin to lớn vào tương lai. Niềm tin rằng khó khăn chỉ là tạm thời, và chúng ta sẽ cùng vượt qua mọi sóng gió. Niềm tin đó không phải là mù quáng, niềm tin đến từ thể mạnh truyền thống của

chúng ta: ‘Thể mạnh con người’”.

“In the most difficult times, Khai and the management team still have great faith in the future. Believing that difficulties are only temporary, and we will overcome all storms together. That belief is not blind and comes from our traditional strength: ‘Human strength’”.

Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính *Chief Financial Officer*

Họ và tên / *Full name:* Shen Hao

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ
Qualifications: Master

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate:*
0,13%



Phó Tổng Giám Đốc *Vice President*

Họ và tên: Huỳnh Mỹ Loan
Full name: Huynh My Loan

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân (Đại Học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh), chứng chỉ hành nghề kế toán (CPA) do Australia cấp.

*Qualifications: Bachelor (Banking
University of Ho Chi Minh City),
accounting practice certificate (CPA)
issued by Australia*

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate:*
0,06%



“Chúng tôi tin rằng việc nuôi dưỡng đam mê công việc của mỗi thành viên phải là ưu tiên hàng đầu khi xây dựng một doanh nghiệp. VNG không chỉ chú trọng phát triển kinh doanh mà còn nỗ lực để đảm bảo mọi thành viên khi làm việc tại văn

phòng VNG ở bất cứ quốc gia nào cũng đều phải thật sự yêu thích công việc của mình.”

VNG not only focuses on business development but also strives to ensure job satisfaction of all associates at all levels in all VNG offices.”

Tình hình hoạt động trong năm 2019

2019 operations

Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp *Corporate Development Director*

Họ và tên/ *Full name*: Thomas Loc Herron

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ

Qualifications: Master

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0,046%



Kế Toán Trưởng *Chief Accountant*



Họ và tên: Lê Trung Tín

Full name: Le Trung Tin

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ

(Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh)

Qualifications: Master

(University of Economics Ho Chi Minh City)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0%

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

Changes in senior management team: Not applicable

3 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Investment activities, project implementation

- Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: chủ yếu đầu tư vào tài sản cố định/ *mainly for buying fixed assets*.
- Các Công Ty con, Công Ty liên kết/ *Subsidiaries, associated Companies*:

STT	Tên Công Ty/ <i>Company</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Ownership percentage (%)</i>	Giá trị đầu tư <i>Investments (VNĐ)</i>	Lợi nhuận/Lỗ sau thuế <i>Profit/ Loss after tax (VNĐ)</i>
1.	Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG <i>VNG Software Development Company Limited</i>	100	60.000.000.000	274.554.311.361
2.	Công ty TNHH Giải Trí Long Đình <i>Dragon Top Entertainment Company Limited</i>	100	20.000.000.000	10.515.442.926
3.	Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyễn Bảo <i>Nguyen Bao Digital Company Limited</i>	100	10.000.000.000	11.546.517.201
4.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na <i>Vinadata Information Technology Service Joint Stock Company</i>	99,94	187.100.000.000	129.981.186.363
5.	VNG Singapore Pte. Ltd	99,94	172.809.935.000	168.255.822.666
6.	VNG Myanmar Company Limited	99,94	11.585.000.000	8.074.174.836
7.	MPT Entertainment Company Limited	99,94	0	0
8.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na <i>Vi Na Net Services Joint Stock Company</i>	99,5	124.073.818.913	1.388.619.763
9.	Công Ty Cổ Phần Zion <i>Zion Joint Stock Company</i>	60	367.440.710.000	(376.941.748.462)

**Tình hình hoạt động
trong năm 2019**
2019 operations

10.	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI <i>EPI Technologies Joint Stock Company</i>	100	51.433.844.903	105.793.398.448
11.	Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh <i>Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</i>	100	6.000.000.000	107.513.147.179
12.	Công Ty MLT Hong Kong Limited <i>MLT Hong Kong Limited</i>	100	11.812.528.000	0
13.	Công Ty TNHH VNG Online <i>VNG Online Company Limited</i>	100	1.000.000.000	35.863.840.172
14.	Công Ty TNHH Trung Tâm Dữ Liệu VNG <i>VNG Data Center Company Limited</i>	100	5.000.000.000	22.651.603
15.	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Services Trading Company Limited</i>	49	3.000.000.000	24.888.715.188
16.	Công Ty Cổ Phần Ti Ki <i>Ti Ki Corporation</i>	24,25	506.279.785.737	(1.765.458.804.943)

4 **Tình hình tài chính** *Financial situation*

4.1 **Tình hình tài chính** *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/ <i>Year</i> 2018	Năm/ <i>Year</i> 2019	Tăng / Giảm <i>Change (%)</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	4.879.247.428.442	7.023.325.536.944	43,9%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	4.316.788.220.514	5.178.001.019.689	20%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	473.165.894.086	703.111.534.454	48,6%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(40.580.918.673)	(64.369.179.456)	58,6%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	432.584.975.413	638.742.354.998	47,7%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	333.276.631.644	454.875.295.201	36,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	-

4.2

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Financial ratios

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/ <i>Year</i> 2018	Năm/ <i>Year</i> 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn <i>Short term asset/ Short term debt</i> + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term debt</i>	3,44 3,43	3,32 3,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản <i>Debt/ Total assets ratio</i> + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu <i>Debt/ Owners' Equity ratio</i>	0 0	0 0
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân <i>Cost of goods sold/ Average inventory</i> + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản <i>Net revenue/ Total assets</i>	150 0,88	132 0,74
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần <i>Profit after tax/ Net revenue ratio</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu <i>Profit after tax/ Total capital ratio</i> + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản <i>Profit after tax/ Total assets ratio</i> + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần <i>Operating profit/ Net revenue ratio</i>	0,08 0,09 0,07 0,11	0,09 0,08 0,06 0,14

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Shareholders structure, changes in the owner's equity

5.1 Cổ phần

Shares

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 35.302.293 cổ phần, trong đó: *Total outstanding shares: 35.302.293 shares, including:*

- ✓ Cổ phần phổ thông/ *Ordinary shares: 28.194.031*
- ✓ Cổ phần ưu đãi biểu quyết/ *Voting preference shares: 0*
- ✓ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/ *Freely transferable shares: 28.194.031*
- ✓ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng/ *Locked-up shares: 0*

5.2 Cơ cấu cổ đông

Shareholders' structure

STT	Tiêu chí <i>Criteria</i>	Số lượng cổ phần <i>Amount of shares</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Ownership percentage (%)</i>
1	Cổ đông lớn/ <i>Major shareholders</i>	16.952.842	48,02
	Cổ đông nhỏ/ <i>Minor shareholders</i>	11.241.189	31,84
2	Cổ đông tổ chức/ <i>Organization shareholders</i>	20.889.844	59,17
	Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	7.304.187	20,69
3	Cổ đông trong nước/ <i>Domestic shareholders</i>	11.219.655	31,78
	Cổ đông nước ngoài/ <i>Foreign shareholders</i>	16.974.376	48,08
4	Cổ đông nhà nước/ <i>Governmental shareholders</i>	0	0
	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	28.194.031	79,86

5.3

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Owner capital investments changes

Thời gian <i>Time</i>	Nội dung tăng <i>Content</i>	Vốn cổ phần (VNĐ) <i>Share capital (VND)</i>
09/09/2019	Tăng vốn theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động <i>Increasing capital according to the plan to issue shares to employee</i>	353.022.930.000

5.4

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trade treasury share

Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ: 7.108.262 cổ phiếu.

Treasury shares ending balance: 7.108.262 shares.

Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm:

List transactions of treasury stocks conducted for the year:

Thời gian <i>Time</i>	Đối tượng giao dịch <i>Counter parties</i>	Số lượng cổ phiếu giao dịch <i>Number of shares traded</i>
25/02/2019 - 04/03/2019	Seletar Investments Pte Ltd	355.820

5.5

Các chứng khoán khác: Không có.

Others share: Not applicable.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công Ty

Report related impact of the Company on the environment and society

6.1

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Management of raw materials

Không có/ *Not applicable.*

6.2

Tiêu thụ năng lượng

Energy consumption:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 400.000 KWH/tháng, tương đương 4.800.000 KWH/năm. Trong đó năng lượng mặt trời khoảng 66.000 KWH/tháng.
Energy consumption - directly and indirectly: 400,000KWH/month, equivalent to 4,800,000 KWH/year. Solar energy about 66,000KWH/months.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng mặt trời: tiết kiệm được 66.000KWH cho mỗi tháng, 10.000 lít nước mỗi ngày.
Energy savings through initiatives of using solar energy: save 66,000KWH per month, 10,000 liters of water per day.
- c) Trong năm 2020, triển khai phát triển chương trình tiết kiệm năng lượng và hướng tới năng lượng xanh (dùng một phần năng lượng mặt trời).
In 2020, implementing the plan of development of energy-saving programs and towards using green energy (using solar energy) to reduce the energy consumption of the national grid.

- d) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này: Không
The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: No applicable.

6.3

Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Water consumption (water consumption of business activities in the year)

Công Ty chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt của nhân viên.

The Company only provide water for staff.

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không.
Water supply and amount of water used: Not applicable.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
Percentage and total volume of water recycled and reused: Not applicable.

6.4

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Compliance with the law on environmental protection

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
Number of times the company was fined for failing to comply with laws and regulations on environment: No applicable.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: No applicable.

7 Chính sách liên quan đến người lao động

Policies related to employees

7.1 Số lượng người lao động

Quantity of labor:

Trình độ <i>Level</i>	Số lượng (người) <i>Quantity (people)</i>	Tỷ lệ (%) <i>Rate (%)</i>
Trên đại học/ <i>Post graduate</i>	192	7%
Đại học/ <i>University</i>	2414	88%
Cao đẳng, trung cấp/ <i>College</i>	82	3%
Khác/ <i>Others</i>	55	2%
TỔNG CỘNG/ <i>TOTAL</i>	2743	100%

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2019: **15.200.000VND/người/tháng**.
Per capita income in 2019: VND 15,200,000/person/month.

7.2 Chính sách lao động

Employee's policies:

VNG không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp của Công Ty, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu vì sự phát triển của Công Ty, thể hiện qua các chính sách của Công Ty:

VNG always improves the environment, working conditions to enhance the physical and spirit life for VNG workforce through constructing and consolidating the organizational culture, making a great motivation to dedicate and have strong relationship for the development of Company, which are expressed in Company's policies:

Tình hình hoạt động trong năm 2019 2019 operations

- 1- Chính sách đãi ngộ: chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí bình đẳng, minh bạch và tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.
Compensation policy: this policy was based on basic of equality, transparency and deserved with the results and quality of work.

Từ năm 2013, VNG đã thực hiện chính sách đãi ngộ mới, đảm bảo 100% người lao động biết được chế độ khen thưởng của Công Ty, mức khen thưởng của mình dựa trên kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.
Since 2013, VNG has applied a new compensation policy, 100% employee knew about award policy of the Company, bonus level of each individual to motivate and encourage to each individual.

Hệ thống đãi ngộ VNG được phân thành 4 loại, gồm:

VNG's compensation system is classified into 4 groups:

- Lương: lương sản xuất, kinh doanh (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp tết Nguyên Đán;
Salary: production salary, business salary (12 months); the 13rd month salary on Tet holidays;
- Phụ cấp: phương tiện vận chuyển, chi phí điện thoại, thiết bị truy cập không dây, phụ cấp kiêm nhiệm;
Allowances: vehicles, mobile expenses, wireless devices, functional allowanc;
- Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào dịp thành lập Công Ty;
Bonus: depend on business results, achievements of projects/ jobs; bonuses on the foundation day of Company;
- Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội/ y tế/ thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động và người thân; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, xây dựng đội nhóm...
Social welfare: social/ health/ unemployment insurances, health/ accident insurance for staffs and relative; periodical health care and teambuilding policy...

Tình hình hoạt động trong năm 2019

2019 operations

- 2- Chính sách thăng tiến: VNG luôn chú trọng đến chính sách thăng tiến nhằm tạo điều kiện cơ hội, môi trường và chế độ cho các nhân sự tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của người lao động tiềm năng đã được ban hành và duy trì thực hiện tốt như: chính sách quy hoạch nhân sự nòng cốt; chính sách luân chuyển lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Promotion policy: VNG concentrates on promotion policy to make opportunities, environment for potential personal. A wide range of promotion policies was promulgated and remained such as: core member policy; alternating manager policy; appointment, demission equally and transparently.

Bên cạnh đó, VNG còn xây dựng các chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng và khen thưởng tương xứng với người phát hiện, giới thiệu thành công các vị trí nhân sự phù hợp.

Besides, VNG forms policies on finding, attracting, training, compensating deservedly for talent individual and awards for those who found them.

- 3- Chính sách đào tạo: thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo. VNG khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc mà còn qua đào tạo, tự đào tạo, trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc VNG có riêng một Bộ Phận Đào Tạo và Phát Triển chuyên nghiên cứu, thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ và nhân viên. VNG khuyến khích các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo nội bộ. Cán bộ nhân viên khi tham gia các chương trình đào tạo được Công Ty tài trợ toàn bộ chi phí học tập, tài liệu, đi lại và ăn ở.

Training policy: usually holding the training and re-training programs. VNG encourages and provides best conditions for staff to develop completely professional qualifications and soft skills not only in working but also in training, self – training, knowledge exchanging. This shows that VNG has Learning and Development Department to research, hold the train and re-train programs to enhance the managing qualifications professionals. VNG encourages outsource training and internal self-training programs. Staff are sponsored studying, including: document, travelling and accommodation expense.

Tình hình hoạt động trong năm 2019 2019 operations

Một số chương trình đào tạo chính của VNG/ *Some of VNG's training programs:*

- Đào tạo định hướng cho người lao động mới: 100% nhân viên mới gia nhập Công Ty được tham gia khóa đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của VNG.
Orientation training for new staff: 100% new staff are joined the orientation training to get familiar with the work and understand core value of Company.
- Đào tạo công nghệ: thường xuyên tổ chức đào tạo, cập nhật từng xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo.
Technology training: often training, updating new technology trend, update training staff to take high technology certificates test on top technology for tech staff to be enhance the professional skills and creativity.
- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: chú trọng và khuyến khích nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.
Specialization training: concentrating and encouraging staff to be trained higher level on professional knowledge, specialization skills to adapt the job requirements.
- Đào tạo kỹ năng bổ sung: 100% nhân viên được khuyến khích tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm và ngoại ngữ để kịp thời đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập.
Supplementary skill training: 100% staff are encouraged to join soft skill and language training to adapt global development and integration.
- Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: ưu tiên nguồn lực để đào tạo nhân sự nòng cốt trở thành lực lượng quản lý lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển của Công Ty.
Training the next generation: prioritizing resources to train employees to become the core management forces, to serve the development needs of the Company.

7.3

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Improvements in organizational structure, policies, management:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: hệ thống điện tử phê duyệt và quản lý nhân viên: phê duyệt công tác, tạm ứng chi phí, thanh toán chi phí... đều được thực hiện thông qua hệ thống biểu mẫu điện tử, không cần làm đơn xin chữ ký của các phòng ban liên quan, tiết kiệm thời gian và công việc giấy tờ.

Improvements in organizational structure, policies, management: approval electronic system and employee management: business travel approval, advance payment, payment of expenses... are all done through the electronic system without obtaining signatures of related departments, save time and paperwork.





**Báo cáo, đánh giá của
Ban Tổng Giám Đốc**
**Report and assessment of the
Senior Management Team**



1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Assessment of operating results

Với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động trong năm qua, VNG đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Through fluctuating economic status of the world and Vietnam for years, VNG has made lots of effort and achieved business operation results as follow:

Đơn vị: tỷ đồng/ Figures in: billion dong

CHỈ TIÊU <i>TARGET</i>	2018	2019	So sánh năm 2019 và 2018 <i>Compare between 2019 and 2018</i>	
			Tăng/ Giảm / <i>Increase/ Decrease</i>	(%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	4.317	5.178	861	20
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	2.322	2.394	72	3
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>	433	639	206	48
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	333	455	122	37
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông Công Ty mẹ/ <i>Net profit (loss) after tax attributable to non-controlling interests</i>	336	568	232	69

Những tiến bộ Công Ty đã đạt được

The Company's achievements:

- ❖ ZaloPay kết nối hơn 30 ngân hàng lớn ở Việt Nam, có thêm hơn 20 đối tác lớn trong năm điển hình như Bamboo Airway, Aeon Mall, Golden Gate, Trung Nguyên;
ZaloPay connects more than 30 large banks in Vietnam, has more than 20 merchants in the typical year such as Bamboo Airway, Aeon Mall, Golden Gate, Trung Nguyen;
- ❖ Zalo có 52,4 triệu người dùng thường xuyên hàng tháng, trở thành phương tiện dịch vụ công trực tuyến của 45 tỉnh thành trên cả nước;
Zalo has 52.4 million regular monthly users, becoming a direct public service means of 45 provinces and cities across the country;
- ❖ ZingPlay trở thành vị trí dẫn đầu thị trường ở các quốc gia như Myanmar, Philippines; mở rộng thành công thị trường Brazil và đạt 1 triệu người dùng sau 3 tháng;
ZingPlay has become a market leader in countries such as Myanmar and Philippines; successfully expands market in Brazil and reaches 1 million users after 3 months;
- ❖ VNG Cloud Services đồng hành cùng hơn 300 doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số, tiêu biểu như: Highland Coffee, Phú Mỹ Hưng, VTV Digital, Sài Gòn Co.op; tổ chức thành công VNG Cloud Solution Road Show 2019 nổi bật là VNG Cloud Tech Day 2019 giới thiệu các giải pháp chuyên sâu hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số;
VNG Cloud Services accompanies with more than 300 enterprises in the digital transformation process, such as: Highland Coffee, Phu My Hung, VTV Digital, Saigon Co.op; successfully organizes VNG Cloud Solution Road Show 2019, especially VNG Cloud Tech Day 2019 introducing in-depth solutions to support enterprises in the digital transformation process;
- ❖ Mobile Legends Bang Bang tổ chức 3 mùa giải lớn với giải thưởng lên đến 500 triệu đồng, tuyển chọn đội tuyển E-Sport Việt Nam tham dự Sea Game lần thứ 30;
Mobile Legends Bang Bang organized 3 big seasons with prizes up to VND 500 million, recruited Vietnam's E-Sport team to attend the Sea Game 30th;

- ❖ PUBG Mobile có hơn 13 triệu người dùng chỉ sau 1 năm chính thức ra mắt tại Việt Nam, đạt Top 1 tại App Store và Top 10 Google Play liên tục trong 6 tháng.
PUBG Mobile has more than 13 million users after 1 year of official launch in Vietnam, ranks first in App Store and reaches the Top 10 at Google Play during 6 consecutive years.

- ❖ Các giải thưởng VNG đạt được trong năm 2019/ *VNG 2019 awards*:
 - ZaloPay đạt danh hiệu “Ví điện tử tiêu biểu Việt Nam 2019” do Tạp chí Nhip Cầu Đầu Tư khảo sát và bình chọn;
ZaloPay received the "Viet Nam's typical e-wallet 2019" award examined and voted by Nhip Cau Dau Tu Magazine;

 - Top 50 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam năm 2019 do tạp chí Forbes bầu chọn;
Top 50 most valuable company brands in Vietnam in 2019 voted by Forbes magazine;

 - Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam do Hội Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam bình chọn;
Top 20 leading trademarks in Vietnam voted by Vietnam Intellectual Property Association;

 - Đạt danh hiệu “Nơi làm việc tốt nhất châu Á” do Tạp chí HR Asia bình chọn
Received the “Best workplace in Asia” award voted by HR Asia Magazine.

2

Tình hình tài chính

Financial situation

Tình hình tài sản và nợ phải trả/ *Assets and liabilities:*

Công ty Cổ phần VNG

B01-DN/HH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.133.366.921.986	3.549.564.323.999
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.890.207.491.969	832.601.854.136
111	1. Tiền		653.552.491.969	412.311.935.736
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.236.655.000.000	420.289.918.400
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.054.135.980.000	1.665.091.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.054.135.980.000	1.665.091.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		678.633.273.192	648.913.689.024
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	350.146.033.226	345.817.476.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	13.522.632.784	37.256.589.329
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	315.851.250.322	266.848.184.201
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(886.643.140)	(1.008.561.420)
140	IV. Hàng tồn kho	8	24.058.417.363	14.207.319.882
141	1. Hàng tồn kho		26.467.270.275	15.665.199.968
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.408.852.912)	(1.457.880.086)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		486.331.759.462	388.750.460.957
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	436.349.082.442	373.699.465.887
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.292.422.739	14.751.069.234
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	20.690.254.281	299.925.836
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.889.958.614.958	1.329.683.104.443
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		16.351.733.342	15.329.526.090
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		485.000.000	485.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	15.866.733.342	14.844.526.090
220	II. Tài sản cố định		1.143.448.233.414	510.320.173.033
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	880.017.062.260	243.225.809.597
222	Nguyên giá		1.695.015.142.805	931.180.404.542
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(814.998.080.545)	(687.954.594.945)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	263.431.171.154	267.094.363.436
228	Nguyên giá		722.952.287.473	593.166.697.606
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(459.521.116.319)	(326.072.334.170)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		228.312.120.172	331.212.475.982
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	228.312.120.172	331.212.475.982
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		309.762.744.108	261.526.656.342
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	30.756.016.679	52.006.341.163
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	121.906.727.429	121.920.315.179
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	157.100.000.000	87.600.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		192.083.783.922	211.294.272.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	187.653.189.852	173.605.663.230
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.998.852.699	34.689.680.241
269	3. Lợi thế thương mại	14	1.431.741.371	2.998.929.525
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.023.325.536.944	4.879.247.428.442

BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ
KẾ TOÁN

CỤC QUẢN LÝ
KẾ TOÁN

**Báo cáo, đánh giá của
Ban Tổng Giám Đốc**
Report and assessment of the
Senior Management Team

Công ty Cổ phần VNG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.594.226.764.733	1.046.987.961.101
310	I. Nợ ngắn hạn		1.545.843.266.656	1.031.590.826.618
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	573.616.581.143	271.906.342.635
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.987.673.473	3.798.979.543
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	92.685.000.129	94.451.515.764
314	4. Phải trả người lao động		4.083.871.506	1.901.111.783
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	618.739.434.058	515.815.752.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	45.906.916.245	39.176.354.816
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	205.823.790.102	103.629.732.223
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	911.037.207
330	II. Nợ dài hạn		48.383.498.077	15.397.134.483
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	405.497.674	77.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	38.935.875.770	7.163.742.400
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	9.042.124.633	8.156.392.083
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.429.098.772.211	3.832.259.467.341
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.429.098.772.211	3.832.259.467.341
411	1. Vốn cổ phần	21.1	353.022.930.000	345.362.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	1.125.647.020.771	518.057.380.853
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(1.943.352.107.086)	(2.006.645.483.168)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.1	18.617.648.429	19.357.034.762
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	5.758.203.679.523	4.958.091.266.591
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.958.091.266.591	4.621.908.311.205
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		800.112.412.932	336.182.955.386
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	116.959.600.574	(1.963.281.697)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.023.325.536.944	4.879.247.428.442

Thu

Nguyễn Thị Anh Thu
Người lập

TTT

Lê Trung Tin
Kế toán trưởng



LM

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

3

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Improvements in organizational structure, policies, management

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không.

Improvements in organizational structure, policies, management: Not applicable.

4

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Assessment report related to environmental and social responsibility

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Assessment report related to environmental and social responsibility:

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, khí thải...)
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)
 - Nhìn chung, Công Ty đã tích cực hạn chế lãng phí điện, nước, nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường.
The Company generally have positively limited wasting in electricity, water and raising awareness of employees about energy saving for environmental protection.

- Hệ thống điện năng lượng mặt trời: sản lượng bình quân 66.000KWH/tháng, tương đương 792.000KWH/năm.
Solar power system: average output of 66,000KWH/ month, equivalent to 792,000KWH/year.
- Hệ thống lọc nước cho nhân viên: công suất cung cấp nước uống 10.000 lít/ngày.
Water filtration system for employees: the capacity of drinking water is 10,000 liters/day.
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: hệ thống điện tử phê duyệt và quản lý nhân viên: phê duyệt công tác, tạm ứng chi phí, thanh toán chi phí... đều được thực hiện thông qua hệ thống biểu mẫu điện tử, không cần làm đơn xin chữ ký của các phòng ban liên quan, tiết kiệm thời gian và công việc giấy tờ.
Improvements in organizational structure, policies, management: approval electronic system and employee management: business travel approval, advance payment, payment of expenses... are all done through the electronic system without obtaining signature of related departments, save time and paperwork.

b) **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**
Review concerning the problems of workers

Nhìn chung, Công Ty đã không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp của Công Ty, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu vì sự phát triển của Công Ty.

Công Ty always improves the environment, working conditions to enhance the physical and spirit life for VNG workforce through constructing and consolidating the organizational culture, making a great motivation to dedicate and have strong relationship for the development of Company.

c) **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**
Review concerning corporate responsibility towards the local community

✚ UpRace – Dự án chạy bộ vì cộng đồng

UpRace 2019 – Running project for community

Dự án chạy bộ cộng đồng UpRace 2019 diễn ra từ ngày 29/08/2019 đến ngày 23/09/2019. Sau 26 ngày tranh tài sôi nổi, dự án đã thu hút hơn 32.000 người chạy tới từ 1314 đội gồm các doanh nghiệp, các câu lạc bộ, đội, nhóm thể thao và cả các đơn vị trường đại học trên khắp cả nước cũng như cộng đồng người Việt tại nước ngoài. Sự kiện khép lại với gần 2 triệu km chạy (tương đương 50 vòng trái đất) và hơn 6.000.000.000 VND được quyên góp cho 3 quỹ thiện nguyện với mục đích giúp giảm tỷ lệ tử vong cho trẻ sơ sinh Việt Nam, trồng 1 triệu cây xanh và trao tặng 500 học bổng cho sinh viên khó khăn.

UpRace 2019 took place from 29/08/2019 to 23/09/2019. After 26 days of ebullient competition, the project attracted more than 32,000 runners from 1314 teams including enterprises, clubs, squads, sport groups and universities in the country, Vietnamese community living abroad. This event ended with approximately 2 million km running (equivalent to 50 earth circles) and more than 6,000,000,000 VND subscribed for three charity funds for the purpose of lessening death rates of Vietnamese infants, planted 1 million trees and awarded 500 scholarships for students with difficult situation.

✚ Saigon Code Tour 2019

Saigon Code Tour 2019 là một cuộc thi lập trình do VNG tổ chức với giải thưởng lên đến 100.000.000 đồng được tổ chức từ 07/07/2019 đến 25/07/2019. Các vòng thi được diễn ra tại 4 địa điểm khác nhau đầy độc đáo, mới lạ như một hành trình khám phá Sài Gòn kèm với những hoạt động giải trí giữa giờ đã bớt đi sự khô khan và nặng nề thường thấy ở một cuộc thi lập trình vốn có. Không chỉ phát huy sức sáng tạo của một lập trình viên, mà Saigon Code Tour 2019 thực sự đã xây dựng nên một cộng đồng lập trình viên trẻ tuổi gắn kết và không kém phần năng động, lập trình viên trẻ vừa được học hỏi nâng cao chuyên môn, vừa được giải trí bên bè bạn.

Saigon Code Tour 2019 was a programming competition hosted by VNG from 07/07/2019 to 25/07/2019 with prizes up to 100,000,000 dong. The rounds were held in four different locations, forming a unique and novel experience as a trip

discovering Sai Gon and recreational interlude activities lessening the common aridness and seriousness in a typical programming competition. Not only promoting the creativity of a programmer, but Saigon Code Tour 2019 has also truly built a cohesive and dynamic young programmer community, young programmers have chances to upgrade specialty and relax with friends.

✚ Vietnam Internet Ecosystem 2019

Sự kiện Vietnam Internet Ecosystem 2019 do VNG tổ chức diễn ra tại Singapore vào ngày 13/04/2019. Đây là sự kiện thứ ba trong hành trình kết nối cộng đồng người Việt tại nước ngoài của VNG sau hai lần diễn ra tại Singapore và Thung lũng Silicon (Mỹ). Sự kiện đã đưa ra góc nhìn khái quát về thị trường internet tại Việt Nam nói chung, đi sâu vào lĩnh vực điện toán đám mây nói riêng, cập nhật tình hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam đến với các nhân tài người Việt ở nước ngoài, tạo không gian thảo luận về tiềm năng cũng như thách thức của thị trường công nghệ nước nhà. Sự kiện đã thu hút hơn 120 người tham dự từ các ngành công nghiệp và nền tảng khác nhau cùng với các diễn giả uy tín đến từ các tổ chức hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.

Vietnam Internet Ecosystem 2019 was hosted by VNG in Singapore on 13/04/2019. This was the third event in VNG's series of events connecting Vietnamese community living abroad after two successful events in Singapore and Silicon Valley (USA). The event made the overall picture of Vietnam's internet market delving into the cloud computing in particular and updated Vietnam economic development to Vietnamese talents living abroad, created opportunity for discussing about the potential and challenges of the nation technology market. The event attracted more than 120 participants from various industrial sectors and different backgrounds as well as eminent speakers from leading organizations across South East Asia.

✚ VNG Campus opening & tours

Trải qua 3 năm thi công, trụ sở chính của VNG - VNG Campus đã chính thức đi vào hoạt động vào đầu tháng 10/2019. Tọa lạc tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, với tổng diện tích mặt sàn lên đến 4,1ha,

Báo cáo, đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc Report and assessment of the Senior Management Team

VNG hiện đang là Công Ty có diện tích sàn lớn nhất Việt Nam và đủ sức chứa đến 4.000 nhân viên. VNG Campus còn có nhiều điểm nổi bật như: căn tin hoành tráng với sức chứa lên tới 1000 người/lần phục vụ, phòng gym với các trang thiết bị hiện đại, hồ bơi công nghệ lọc muối, nhà vệ sinh theo chuẩn khách sạn 5 sao, nhiều khu vực tiện nghi dành riêng cho các cuộc gặp gỡ, tiếp khách và có tới 50 phòng họp lớp nhỏ và thư viện.

After 3 years of construction, VNG headquarters - VNG Campus - has officially operated since October 2019. Located in Z06 Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City with a total floor area of 4.1 hectares, VNG is currently the largest company office in Vietnam with a total capacity of 4,000 staffs. VNG Campus also has prominent features: an impressive canteen serving up to 1,000 people at the same time, a gym fitted with modern facilities, a swimming pool with salt filtration technology, 5-star toilets, various comfortable meeting areas, 50 meeting and library rooms of different sizes.


Từ khi chính thức đưa vào hoạt động, chỉ trong 3 tháng cuối năm 2019, VNG Campus đã chào đón 625 vị khách từ 15 chuyến du lịch khác nhau. Đối tượng tham gia đa phần là sinh viên nhóm ngành công nghệ, ngoài công nghệ và cao học thuộc các trường đại học nổi tiếng trong và ngoài nước.

Since its official operation, in the last 3 months of 2019, VNG Campus has welcomed 625 guests from 15 various company tours. Most of the participants in these exciting journeys are students in both tech and non-tech majors and graduate student from well-known nation or overseas universities.

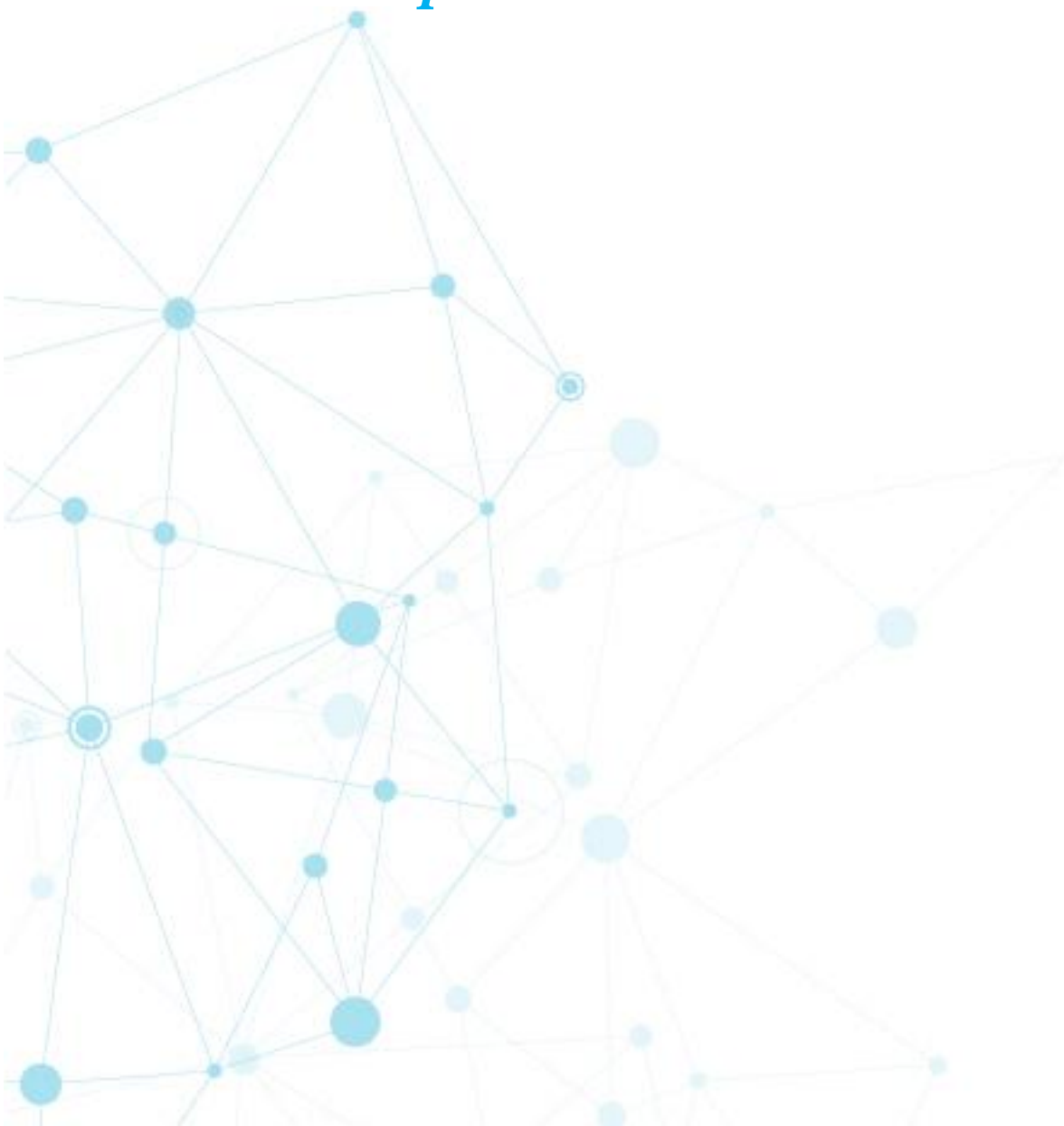


VNG
UPRACE!
#keepdreamingkeeprunning





**Đánh giá của Hội Đồng Quản
Trị về hoạt động của Công Ty**
*Assessments of the Board of
Directors on the Company's
operation*



1

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công Ty

Assessments of the Board of Directors on the Company's operation

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế vĩ mô, Hội Đồng Quản Trị đã giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám Đốc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm và kiên định mục tiêu giữ vững tốc độ tăng trưởng cho Công Ty. Kết thúc năm tài chính 2019, tổng doanh thu của VNG đạt 5.178 tỷ đồng.

In the macroeconomics crisis context, the Board of Directors have supervised and combined closely together with Board of Directors in business activities from the beginning of the year and steadfast developing speed. At the end of financial year 2019, VNG's total revenue is 5,178 billion dong.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG đã đạt được mục tiêu đề ra là kiến tạo công nghệ và phát triển con người vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Through social community activities, VNG has achieved targets of build technologies and grow people for a better life.

2

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Assessment of Board of Directors on Senior Management Team performance

Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành và giám sát mục tiêu, kế hoạch cho năm để tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để không chỉ hoàn thành mà còn vượt mục tiêu đã đề ra.

The Senior Management Team has monitored and followed the objectives and plans for the year, to maximize the available resources and led the staff not only to complete but also over the proposed objectives.

3

Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

Plans, orientations of the Board of Directors

Nằm trong lộ trình triển khai chiến lược đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động và sản phẩm nhằm sử dụng toàn bộ nguồn lực và lợi thế của một Công Ty internet hàng đầu tại Việt Nam, với mục tiêu tập trung quản lý để huy động sức mạnh hợp lực tối đa dựa trên nền tảng công nghệ, Công Ty đã thúc đẩy và tạo những bứt phá trong tăng trưởng sản phẩm và cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao cho xã hội.

Stay in the strategic roadmap for diversification field work and products with the purpose of using the human resources and the advantages of a leading internet Company in Vietnam, target to concentrate on managing to mobilize the maximum synergy based on technology, the Company has promoted spectacularly in strengthening products and providing more and more good – quality products.



Báo cáo tài chính

Financial statements



Báo cáo tài chính

Financial statements

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và được công bố tại website của VNG ngày 09/04/2020.

The Company's 2019 consolidated financial statements were audited by Ernst & Young Vietnam Ltd., and published on VNG's website on 09/04/2020.

<https://www.vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-nam-2019.html>

Ý kiến kiểm toán/ Auditor's opinions



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2020

Ho Chi Minh City, date April 27th, 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHIEF EXECUTIVE OFFICER



LÊ HỒNG MINH

